

TÍN DỤNG CHO HỘ NGHÈO – KINH NGHIỆM TỪ CÁC NƯỚC VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

TS. Kiều Hữu Thiện

Học viện Ngân hàng

1. Khái quát chung về tín dụng đối với hộ nghèo

Hộ nghèo đa phần là những người thiếu kinh nghiệm trong sản xuất kinh doanh, cho nên tìm các giải pháp hỗ trợ cho họ thoát nghèo là một yêu cầu cần thiết, đặc biệt là với nước ta, di dời với tăng trưởng kinh tế thì luôn phải chú ý đến sự công bằng trong xã hội. Việc hỗ trợ cho các hộ nghèo có thể thông qua nhiều con đường khác nhau. Một trong những cách thức hỗ trợ có hiệu quả nhất là thông qua kênh tín dụng (TD) ưu đãi. Khác với các kênh trợ giúp khác, vốn trợ giúp thông qua kênh tín dụng của các ngân hàng phải đồng thời phải đáp ứng hai yêu cầu cơ bản, đó là:

1. Yêu cầu hỗ trợ

Để đáp ứng yêu cầu này, vốn TD phải hỗ trợ tích cực cho các hộ nghèo để giúp họ từng bước thoát nghèo. Nhưng bản thân các hộ nghèo lại do nhiều nguyên nhân, do vậy yêu cầu cần thiết là phải phân loại chính xác hộ nghèo theo nguyên nhân để đưa ra các cách thức hỗ trợ hiệu quả. Đối với những hộ nghèo do nguyên nhân thiếu vốn, nhưng khó tiếp cận vốn TD của các ngân hàng thương mại (NHTM) thì cách thức hỗ trợ chủ yếu thông qua việc đáp ứng đủ vốn cho các đối

tượng này theo yêu cầu sản xuất kinh doanh. Nhưng đối với các đối tượng nghèo do nguyên nhân thiếu kinh nghiệm trong kinh doanh thì vấn đề hỗ trợ phải được thực hiện đồng bộ mới có hiệu quả. Việc cấp vốn phải gắn liền với dự án, có sự tư vấn của các tổ chức chuyên môn, sự phối hợp chặt chẽ giữa đầu vào với đầu ra của các dự án. Nếu các yêu cầu này không được thoả mãn thì sự hỗ trợ vốn TD sẽ gần như mất tác dụng, thậm chí người nghèo lại càng nghèo thêm do tích tụ thêm các nghĩa vụ nợ với ngân hàng (NH).

2. Yêu cầu thực hiện theo đúng nguyên tắc TD

Nguyên tắc TD đòi hỏi các khoản TD được cấp ra phải được hoàn trả cả gốc lẫn lãi. Để thực hiện được yêu cầu này đòi hỏi khách hàng là các hộ nghèo sản xuất kinh doanh phải có lãi. Nhưng bởi vì nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng nghèo khó của các hộ gia đình này là do thiếu kinh nghiệm sản xuất kinh doanh, nên quả là rất khó khăn đối với họ để có thể sản xuất kinh doanh có lãi, từ đó có thể trả nợ cả gốc lẫn lãi cho NH, cho dù lãi suất mà họ phải trả là khá thấp.

Từ sự phân tích trên đây cho thấy việc nâng cao chất lượng TD đối với hộ nghèo cần phải được đặt ra một cách nghiêm túc.

Điều này sẽ đem lại kết quả tích cực trên các mặt sau đây:

Thứ nhất: Thông qua con đường trợ giúp vốn tín dụng sẽ từng bước giúp người nghèo làm quen với kinh tế thị trường. Một bộ phận người nghèo sẽ từng bước vươn lên trở thành giàu có đây chính là con đường từng bước biến người nghèo từ chỗ tiềm ẩn này sinh những vấn đề về mặt xã hội trở thành nguồn lực trong chiến lược phát triển kinh tế-xã hội. Đây là vấn đề hết sức quan trọng trong việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế-xã hội ở các vùng nông thôn nước ta hiện nay, nơi mà người nghèo luôn chiếm tỷ lệ khá cao và ở nhiều nơi còn mang tính chất của một nền kinh tế tự nhiên.

Thứ hai: Việc nâng cao chất lượng TD đem lại tác dụng tích cực đối với các NH trong cho vay hộ nghèo trên hai giác độ:

1) Đây chính là biện pháp từng bước khẳng định “**thương hiệu**” của các NH trong kinh tế thị trường. Một thương hiệu tốt luôn là lực hấp dẫn các khách hàng trong nền kinh tế tìm đến với NH, không chỉ trong quan hệ TD, mà còn trong nhiều các hoạt động dịch vụ khác gắn với hoạt động của NH trong kinh tế thị trường, bắt buộc và thúc đẩy NH phải từng bước mở ra các dịch vụ mới đáp ứng cho các khách hàng của mình;

2) Nâng cao chất lượng TD không chỉ thể hiện ở việc đầu tư vốn đúng đối tượng, đúng mục đích, kiểm soát chặt chẽ vốn vay cả trước, trong và sau khi giải ngân vốn, mà còn phải chú ý từng bước thị trường hoá lãi

suất cho vay đối với các hộ nghèo, coi đó chính là biện pháp bắt buộc các hộ nghèo phải tăng dần hiệu quả vốn vay ưu đãi, giúp tái tạo và tăng qui mô vốn quay vòng của NH. Nếu việc định lãi suất không dựa trên cơ sở một chiến lược từng bước được thị trường hoá thì tất yếu sẽ cản trở NH trong tương lai khi thực hiện các món cho vay có tính thị trường và các hộ nghèo rất khó có thể trở thành những khách hàng chiến lược trong tương lai của NH.

2. Các nhân tố tác động tới chất lượng TD đối với hộ nghèo

1. Nhóm nhân tố khách quan

Đây là những nhân tố rất quan trọng, tác động mạnh tới chất lượng hoạt động TD đối với hộ nghèo. Thuộc nhóm này bao gồm nhiều nhân tố, chủ yếu bao gồm:

Thứ nhất, Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Một khi Đảng và Nhà nước có những quyết sách và chủ trương đúng đắn giúp đỡ hộ nghèo thì vốn hoạt động của NH sẽ được hỗ trợ tích cực, từ đó giúp NH mở rộng cho vay và ngược lại.

Thứ hai, Môi trường kinh tế. Nếu trong môi trường có tỷ lệ hộ nghèo cao thì mặc dù dư nợ sẽ tăng cao, nhưng rất có thể chất lượng TD sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực. Trong một môi trường kinh tế phát triển lành mạnh thì chất lượng các khoản cho vay hộ nghèo của NH sẽ có xu hướng tăng lên; và ngược lại.

Thứ ba, Môi trường tự nhiên. Môi trường tự nhiên tác động mạnh tới những rủi ro trong sản xuất kinh doanh của hộ nghèo. Điều kiện môi trường tự nhiên thuận lợi sẽ tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay của các hộ nghèo.

Thứ tư, Môi trường pháp lý. Môi trường pháp lý là nền tảng để mọi hoạt động kinh doanh diễn ra an toàn. Do vậy, để bảo đảm an toàn cho hoạt động của hệ thống NH nói chung đòi hỏi môi trường pháp lý phải đồng bộ và hoàn thiện. Đặc biệt đối với hoạt động của NH trong cho vay hộ nghèo, do đối tượng khách hàng là những hộ nghèo, nhìn chung nhận thức về luật pháp còn ít nhiều bị hạn chế nên tất yếu sẽ tác động tiêu cực tới chất lượng TD của NH. Cho nên, tạo ra một môi trường pháp lý thuận lợi chính là tạo tiền đề để nâng cao chất lượng TD ngân hàng. Môi trường pháp lý ở đây không chỉ là hệ thống pháp luật về hoạt động ngân hàng đồng bộ và hoàn thiện, mà còn ở khả năng nhận thức và ý thức chấp hành luật pháp của hộ nghèo, các chế tài phù hợp để có tác dụng răn đe. Để làm được điều này đòi hỏi công tác giáo dục ý thức chấp hành luật pháp là rất quan trọng.

Thứ năm, Năng lực, nhận thức của khách hàng. Năng lực kinh doanh của khách hàng là nhân tố rất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng TD của các NH. Nếu năng lực kinh doanh của người nghèo bị hạn chế thì vốn cho vay rất khó phát huy hiệu

quả, thậm chí là bị nghèo thêm do mất vốn, tích tụ thêm khoản nợ NH.

Nhận thức của người nghèo về quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến khoản vay cũng rất quan trọng, bởi nếu người nghèo vẫn coi các khoản vay vốn ưu đãi từ NH như là “lộc trời”, “của chùa” thì tất yếu họ không quan tâm đến việc trả nợ và vốn vay rất có thể sẽ bị thất thoát, sử dụng sai mục đích.

2. Nhóm nhân tố chủ quan

Đây là những nhân tố thuộc về nội tại của bản thân NH, bao gồm một số nhân tố chủ yếu sau đây:

Thứ nhất: Chiến lược hoạt động của NH. Đây là một nhân tố ảnh hưởng có tính quyết định tới chất lượng TD đối với người nghèo của NH. Bởi vì, nếu như NH chỉ hoạt động mang tính chất tình thế, không định hướng một cách cụ thể và khoa học chiến lược hoạt động của mình tất yếu không thể toàn tâm toàn ý nâng cao chất lượng hoạt động, trong đó có hoạt động TD; mà một khi chất lượng của lĩnh vực hoạt động chính không được chú ý thì hoạt động của NH càng nhanh chóng trở nên bế tắc. Điều này có nghĩa là trước hết NH cần chú ý hoạch định một cách khoa học và khả thi chiến lược phát triển của mình, từ đó mới có thể đưa ra các phương án thích hợp để hướng tới các đối tượng khách hàng của mình, trong ngắn hạn cũng như trong dài hạn, chất lượng TD mới ngày càng được hoàn thiện.

Thứ hai: Chính sách TD. Chính sách TD bao gồm các yếu tố giới hạn mức cho vay đối với một hộ nghèo, kỳ hạn của khoản TD, lãi suất cho vay, các loại cho vay được thực hiện, sự bảo đảm và khả năng thanh toán nợ của khách hàng,... Chính sách TD có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động TD. Toàn bộ hoạt động cho vay diễn ra như thế nào phần lớn tuân theo hướng dẫn của chính sách TD đề ra. Cho nên, chính sách TD cần phải được xây dựng hợp lý, có sự linh hoạt, vì nếu cứng nhắc thì sẽ ảnh hưởng bất lợi đến chất lượng TD. Vẫn biết rằng TD ưu đãi được thực hiện chủ yếu thông qua vốn ngân sách, nhưng khách hàng là các hộ nghèo lại khá đa dạng, nguồn gốc nghèo khó của họ lại hoàn toàn không giống nhau, cho nên một sự linh hoạt là rất cần thiết trong hoạt động TD đối với hộ nghèo trên các phương diện:

(1) *Đáp ứng đúng nhu cầu về sự hỗ trợ.* Thực tế có những hộ nghèo chỉ cần hỗ trợ đủ vốn theo đúng lãi suất thị trường, nhưng cũng có những hộ nghèo cần được hỗ trợ vốn với lãi suất ưu đãi. Có những hộ cần trợ giúp vốn lớn để họ không những thoát nghèo mà còn vươn lên làm giàu, nhưng cũng có những hộ không thể cho vay lớn vì khả năng sử dụng vốn của loại đối tượng này bị hạn chế. Có những loại hình cho vay chỉ cần vốn trong thời gian ngắn, nhưng cũng có loại hình kinh doanh cần vốn vay trong thời gian rất dài. Rõ ràng một sự linh hoạt là cần thiết trong công tác TD đối với hộ nghèo, bởi vì nếu không có sự linh hoạt cả về mức vốn hỗ trợ, lãi suất, thời hạn cho vay... thì có thể

dẫn đến vốn TD không thể phát huy hiệu quả. Rất nhiều hộ nghèo đã không những không thể thoát nghèo nhờ vốn TD ưu đãi, mà thậm chí còn bị nghèo hơn chỉ bởi lý do vốn vay chưa thể phát huy hiệu quả nhưng NH đã thu hồi nợ, dẫn đến các hộ nghèo đã phải đi vay nóng để trả nợ với lãi suất cho vay nặng lãi;

(2) *Bảo đảm một sự bình đẳng trong tiếp cận vốn ưu đãi.* Thực ra quan niệm về một sự bình đẳng trong tiếp cận vốn TD ưu đãi cần phải được hiểu một cách biện chứng, bởi vì trong mỗi vùng thì mức giá chung là khác nhau, cơ hội tạo việc làm để thoát nghèo đòi hỏi nhu cầu về vốn khác nhau, chuẩn nghèo ở mỗi vùng cũng có sự phân biệt. Tất cả những điều đó cho thấy vấn đề qui định về mức vốn cho vay tối đa, lãi suất cho vay các đối tượng cần phải được linh hoạt mới bảo đảm được sự bình đẳng trong tiếp cận vốn TD ưu đãi có nguồn gốc chủ yếu từ ngân sách.

(3) *Giúp tiết giảm chi phí và tăng nhanh vốn quay vòng.* Cách thức chuyển tải vốn ưu đãi đến với các hộ nghèo linh hoạt hơn sẽ một mặt giúp tiết giảm chi phí cấp TD, mặt khác, qua đó có thể tăng vòng quay vốn ưu đãi. Điều này là hiện thực, bởi vì hiện nay trong cách thức giải ngân vốn TD ưu đãi ở nước ta còn có những bất cập, làm chi phí cho vay tăng cao trong khi đó chất lượng TD vẫn chưa ở mức tương xứng; Do vậy, một sự linh hoạt là cần thiết để giúp các cán bộ TD của NH xác định chính xác những món cho

vay nào cần thiết phải thông qua các hội, đoàn thể để giải ngân vốn và kiểm soát vốn cho vay, những món cho vay nào có thể tiết giảm các tầng nấc trung gian, thông qua đó giúp giảm chi phí gián tiếp đồng thời xác định chính xác kỳ hạn TD, tăng nhanh vòng quay của vốn ưu đãi.

Thứ ba: Phẩm chất, trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ, nhân viên trong NH. Trong nhãn quan của các hộ nghèo, TD là hình ảnh của NH, do vậy phong cách phục vụ của cán bộ nhân viên trong NH tác động đến tâm lý của khách hàng. Nhìn chung, tâm lý của người nghèo hay dễ mặc cảm, cho nên tạo một sự quan tâm gần gũi hơn với các khách hàng của mình là rất cần thiết để người nghèo coi NH thực sự là người bạn gần gũi và họ mới thực sự muốn giữ chữ “tín” với NH, mà điều này lại rất quan trọng trong cho vay với hộ nghèo, một chương trình cho vay có tính bảo đảm trong TD rất thấp. Hơn nữa, cho vay các hộ nghèo chứa đựng rủi ro rất cao do đa số người nghèo thiếu kinh nghiệm sản xuất kinh doanh, trình độ nhận thức nhìn chung cũng bị hạn chế, do vậy hoạt động TD càng đòi hỏi cán bộ có trình độ, năng lực chuyên môn cao cũng như kiến thức kinh tế tổng hợp mới có thể giúp giảm thiểu rủi ro TD. Do vậy, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cũng như phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ, nhân viên trong NH là rất cần thiết.

3. Kinh nghiệm nâng cao chất lượng tín dụng đối với hộ nghèo của một số nước trên thế giới

Nghèo đói luôn là vấn đề lớn đối với nhiều nước, kể cả các nước có nền kinh tế phát triển cũng như đang phát triển, do vậy, tìm các biện pháp góp phần giải quyết nghèo đói luôn là vấn đề có tính thời sự hiện nay trên thế giới. Do điều kiện và hoàn cảnh của mỗi nước hoàn toàn khác nhau, nguyên nhân nghèo đói cũng không giống nhau, cho nên cách thức xử lý vấn đề nghèo đói của mỗi nước không thể áp dụng theo một khuôn mẫu thống nhất trên toàn cầu. Tuy nhiên, việc tìm hiểu những kinh nghiệm từ các nước trong cuộc chiến chống đói nghèo là việc làm hết sức cần thiết để tìm ra những bài học kinh nghiệm thành công cũng như không thành công, từ đó có thể áp dụng vào Việt Nam, cũng như giúp tránh những “vết xe đổ”

Kinh nghiệm của các nước trên thế giới, đặc biệt là kinh nghiệm từ một số nước như: Trung Quốc, Bangladesh, Ấn Độ, Pakistan, Brazil (các nước đang phát triển) và các nước: Mỹ, Anh, Cộng hoà Liên bang Đức, Italia, Ireland, Australia (các nước phát triển) cho thấy, để góp phần nâng cao chất lượng TD trong hỗ trợ người nghèo, các nước đều chú ý một số vấn đề sau đây:

Thứ nhất: Các nước đều chú ý thiết lập các quỹ để đầu tư hỗ trợ vốn cho người nghèo và các đối tượng chính sách.

Việc đầu tư vốn thường được thực hiện thông qua kênh các tổ chức TD vi mô. Nguồn vốn cho các tổ chức TD vi mô này hoạt động thông thường được lấy từ ngân sách nhà nước hoặc gián tiếp thông qua nguồn vốn góp từ thiện. Quan điểm chung

của các nước đều cho rằng, nếu như không có nguồn vốn khởi động này thì chắc chắn các tổ chức TD vi mô không thể tồn tại được.

Thứ hai: Về cách thức thành lập các tổ chức tín dụng vi mô để cấp TD cho người nghèo.

Đề vốn TD hỗ trợ một cách có hiệu quả cho đối tượng người nghèo thì tạo ra phương thức hỗ trợ hợp lý là rất quan trọng. Ở mỗi nước việc hình thành một loại hình TD vi mô để cấp vốn không giống nhau, chẳng hạn:

Ireland, Cộng hoà Liên bang Đức: Việc hỗ trợ được thực hiện thông qua hình thức các Hợp tác xã tín dụng.

Anh: Việc cấp TD được thực hiện thông qua các tổ chức từ thiện. Các tổ chức này cũng hầu như không có khách hàng gửi tiền. Hoạt động của chúng chủ yếu thông qua huy động vốn đóng góp từ thiện.

- *Bangladesh:* Nước này cấp TD hỗ trợ người nghèo thông qua mô hình Ngân hàng làng xã (Grameen Bank). Thực chất hoạt động của mô hình này là một loại hình cấp tín dụng theo dự án. Mô hình Grameen Bank được một số nước như Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ, Malaysia,... nghiên cứu vận dụng.

Ấn Độ: Việc cấp TD cho người nghèo thông qua Ngân hàng Nông nghiệp với một mạng lưới khoảng hơn 14.000 chi nhánh ở 375 huyện trong toàn quốc. Trung Quốc mô hình cấp TD ưu đãi cho người nghèo cũng tương tự như ở Ấn Độ, tức là cấp TD thông qua hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp.

- *Australia:* Việc cấp TD cho người nghèo, bao gồm các tiểu thương và những người nông dân canh tác nhỏ, được thực hiện thông qua Liên minh Tín dụng....

Thứ ba: Về mô hình cấp tín dụng.

Hầu hết các nước, nhất là các nước đang phát triển ở châu Á, việc cấp TD cho người nghèo đều được thực hiện thông qua các “tổ tự lực”

Bangladesh: Cấp TD được thực hiện với các nhóm 5 thành viên. Nhóm này mỗi tuần tập hợp nhau lại một lần để xem xét tính bảo đảm trong khoản vay của các thành viên trong nhóm. Nếu như có một thành viên trong nhóm không bảo đảm trả nợ khoản vay, nó sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ khả năng tiếp cận TD của cả nhóm. Do vậy, “Để bảo đảm trả nợ, các thành viên của nhóm đôi khi phải dùng đến áp lực để ép những người dân làng phải trả tiền hàng tuần, tịch thu tài sản hay tháo mái nhà của họ”

- *Trung Quốc:* Việc cấp TD được thực hiện thông qua tổ nhóm từ 10 đến 15 thành viên và bầu ra trưởng nhóm. Mọi hoạt động của tổ nhóm này đều phải được thông qua Ủy ban Quản lý. Mỗi nhóm được tài trợ số tiền tương ứng với số thành viên và mỗi thành viên sẽ được cấp 25 USD và cũng phải đóng góp vào Quỹ Tổ là 25 USD. Các thành viên trong Tổ được tự đưa ra qui chế hoạt động của Quỹ và cũng được tự quyết định cách thức sử dụng Quỹ.

- *Ấn Độ:* Việc giải ngân vốn TD ưu đãi được thực hiện thông qua các “tổ tự lực” có

khoảng từ 10 đến 20 người, đến từ các gia đình khác nhau. Các tổ viên sẽ quyết định số tiền hàng tháng mà mỗi thành viên phải góp vào quỹ tổ là bao nhiêu. Thông thường, số tiền ban đầu vào khoảng 10 đến 20 Rupit. Số tiền này sẽ được gửi ở tài khoản tiết kiệm của một ngân hàng thương mại (thông thường là Ngân hàng Nông nghiệp) và hàng tháng số tiền góp sẽ được bổ sung vào tài khoản tiết kiệm này. Hiện nay, Ngân hàng Nông nghiệp của Ấn Độ đóng vai trò là tổ chức xúc tiến tự lực và hỗ trợ thành lập và quản lý các tổ này.

Một Tổ chức tư nhân Accion lúc đầu thực hiện cấp TD ưu đãi tới từng cá nhân, nhưng sau đó họ nhận thấy rằng các nhóm từ 3 đến 5 người hữu hiệu hơn cả. Các thành viên trong nhóm của Accion tất cả đều nhận khoản vay của mình cùng một lúc, chứ không phải ngồi đợi những người khác hoàn trả như mô hình Grameen Bank.

Thực chất thì mô hình theo nhóm này có tác động lớn là tạo ra một sự gắn kết, ràng buộc nhau trong cả nhóm trong thụ hưởng khoản tín dụng ưu đãi, nhưng nó cũng có những mặt trái là mang lại những căng thẳng lớn: Nếu một ai đó bị tụt lại đằng sau, mọi người sẽ rất căng thẳng và thậm chí xung đột với nhau.

Thứ tư: Về lãi suất cho vay ưu đãi.

Nhìn chung, lãi suất cho vay các đối tượng người nghèo các nước đều thực hiện với một sự ưu đãi nhất định, mặc dù mức độ ưu đãi không hoàn toàn như nhau giữa các

nước. Thực tiễn đã chỉ ra rằng, nếu không chế mức lãi suất tiền gửi và cho vay của các tổ chức tín dụng vì mô sẽ hạn chế các tổ chức này mở rộng qui mô và do vậy mức lãi suất ưu đãi nên do từng tổ chức tín dụng vì mô của địa phương quyết định, chứ không phải do một cơ quan quản lý nhà nước không trực tiếp điều hành chỉ đạo, nghĩa là mức lãi suất cần phải được linh hoạt để phản ứng có hiệu quả với mức lãi suất thị trường. Điều này là cần thiết nhằm bảo đảm cho các tổ chức tín dụng vì mô hoạt động bền vững và tránh những tác động bất lợi từ cho vay với lãi suất quá ưu đãi tạo ra như: Tình trạng lạm dụng tín dụng ưu đãi để hưởng lợi từ chênh lệch lãi suất ưu đãi so với lãi suất thị trường; Làm hiệu lực của công cụ lãi suất; Tạo ra cách nghĩ lệch lạc về tín dụng ưu đãi...).

Thực tiễn hoạt động của một số tổ chức tín dụng vì mô các nước đã chỉ ra rằng: Lãi suất ưu đãi chưa hẳn đã hiệu quả đối với người nghèo và bản thân tổ chức tín dụng; Đồng thời, lãi suất cho vay theo thị trường không hẳn là bất lợi cho những người nghèo. Chẳng hạn:

Các tổ chức tín dụng vì mô của Ireland hoạt động thông qua nguồn vốn tài trợ từ chính phủ. Họ áp dụng lãi suất hoàn toàn ưu đãi trong cho vay người nghèo, khả năng huy động vốn từ thị trường của họ là khá thấp, bởi do lãi suất huy động lẫn cho vay đều bị khống chế, khi mức lãi suất thị trường tăng lên thì hàng loạt khoản tiền gửi vào các quỹ này bị rút ra và hoạt động của quỹ bị giảm sút đáng kể. Điều này tất yếu ảnh hưởng xấu đến

tính bền vững trong hoạt động của các quỹ này.

Trong khi đó, các hợp tác xã Tín dụng của Cộng hoà liên bang Đức lại có quyền tự do đặt mức lãi suất đối với từng khoản cho vay và từng khoản tiền gửi. Chính điều này đã giúp họ cạnh tranh hiệu quả với các NH khác và tạo nên hoạt động hiệu quả của các hợp tác xã Tín dụng ở Cộng hoà Liên bang Đức những năm qua.

Có thể nói, việc các tổ chức tín dụng vi mô nếu được tự do trong quyết định các mức lãi suất cho vay lẫn huy động sẽ là tiền đề cho sự hoạt động bền vững của các tổ chức này. Nghiên cứu của các chuyên gia về mô hình Grameen Bank – một mô hình được xem là mẫu mực về cho vay vốn người nghèo, cho thấy mô hình này vẫn không mấy khả quan bởi lý do NH này vẫn phải phụ thuộc rất nhiều vào cấp bù. Điều này đe dọa tính bền vững trong hoạt động của nó.

Thứ năm: Về qui mô cấp tín dụng ưu đãi.

Nhìn chung các tổ chức tín dụng vi mô các nước đều áp dụng mức cho vay nhỏ. Lý do dễ giải thích rất đơn giản vì cho vay người nghèo không áp dụng các hình thức bảo đảm tiền vay như áp dụng trong cho vay thương mại, cho nên rủi ro sẽ cao; Hơn nữa, người nghèo thường không có khả năng đầu tư vốn trong các dự án lớn. Một lý do quan trọng khác là nguồn vốn để cho vay theo diện ưu đãi vốn dĩ luôn khan hiếm, cho nên mức cho vay cần được khống chế ở mức

thấp là phù hợp. Tuy nhiên, một số nước, chẳng hạn Cộng hoà Liên bang Đức, không giới hạn các khoản vay đối với người nghèo. Lập luận của họ đơn giản là sức mạnh tài chính có mối liên hệ mật thiết với sự giàu có của các thành viên, vì vậy nếu hạn chế khoản vay tức là hạn chế những thành viên khá giả hơn tham gia và do vậy sẽ khó huy động tiết kiệm hơn.

Thực tế đã chỉ ra rằng, mặc dù các tổ chức tín dụng vi mô đều có xu hướng cho khách hàng vay với mức tiền thấp hơn nhiều so với mức tối đa cho phép, tuy nhiên ở các nước qui định khống chế mức cho vay tối đa thì các tổ chức tín dụng vi mô vẫn gặp rất nhiều khó khăn về nguồn vốn. Trong khi đó, các hợp tác xã Tín dụng của Cộng hoà Liên bang Đức không giới hạn các khoản vay nhưng ngày càng phục vụ được nhiều người nghèo vay vốn hơn.

Nhìn chung một số ý kiến của các nhà nghiên cứu cho rằng lãi suất áp dụng đối với các khoản vay nhỏ không nên thấp hơn lãi suất thị trường thông thường, nhằm phản ánh chi phí cao hơn trong việc tạo ra các khoản vay nhỏ và đảm bảo sự ổn định về tài chính trong hoạt động tín dụng vi mô. Một số ý kiến còn cho rằng hoạt động tín dụng vi mô nếu cứ phụ thuộc vào việc cấp bù sẽ trở thành con tin trong trò chơi chính trị, không phục vụ đúng khách hàng mục tiêu là người nghèo.

Thứ sáu: Về cơ sở hạ tầng tài chính.

Cơ sở hạ tầng tài chính là nhân tố quan trọng có tính quyết định sự phát triển của một tổ chức. Nếu cơ sở hạ tầng tài chính kém phát triển sẽ hạn chế sự phát triển các dịch vụ tín dụng vi mô. Cơ sở hạ tầng tài chính được nâng cấp sẽ góp phần phát triển toàn bộ ngành tín dụng vi mô, chứ không phải chỉ riêng một tổ chức. Chính vì thế, các nước đều chú ý tập trung hỗ trợ nâng cấp cơ sở hạ tầng tài chính vi mô, bao gồm hệ thống thông tin, các điều kiện về đào tạo, hệ thống luật pháp.

4. Bài học rút ra đối với Việt Nam

Từ những kinh nghiệm của các nước trong việc cấp tín dụng ưu đãi cho người nghèo, đối chiếu với thực tiễn tại Việt Nam hiện nay cũng như trong tương lai gần, chúng tôi cho rằng, một số bài học kinh nghiệm sau đây Việt Nam có thể nghiên cứu và tìm cách vận dụng:

Thứ nhất: Về lãi suất cho vay. Kinh nghiệm các nước cho thấy, lãi suất cho vay ưu đãi không đồng nhất giữa các nước. Có những nước lãi suất ưu đãi áp dụng khá thấp, nhưng có những nước lại áp dụng mức lãi suất linh hoạt theo thị trường. Hiện nay nước ta vẫn nên áp dụng lãi suất cho vay ưu đãi thấp hơn lãi suất thị trường, nhưng không được cố định lãi suất, mà lãi suất này cũng phải được linh hoạt thay đổi theo thị trường. Điều này là rất cần thiết bởi các lý do:

(1) Tạo tâm lý cho người nghèo và các đối tượng chính sách nước ta hiểu rằng, đây là cho vay chứ không phải là cứu trợ, cho nên phải có trách nhiệm với các khoản vay;

(2) Giúp người nghèo làm quen với kinh tế thị trường, mà kinh tế thị trường phải chấp nhận để thị trường điều tiết chứ không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của nhà quản lý.

Hiện nay ở nước ta việc cho vay ưu đãi hầu như ít gắn kết với công tác huy động vốn. Kinh nghiệm các nước cho thấy, cần có sự ràng buộc giữa cho vay ưu đãi với huy động tiết kiệm từ các hộ nghèo. Điều này là rất cần thiết, lý do:

Tạo thói quen tiết kiệm cho người nghèo. Bất cập lớn nhất của hộ nghèo là rất khó khăn trong vấn đề tiết kiệm, tiết kiệm hầu như xa lạ với họ. Cho nên, tạo thói quen tiết kiệm là rất cần thiết để giúp họ thoát nghèo. Để kích thích tiết kiệm phải gắn chặt giữa giải ngân vốn ưu đãi với tiết kiệm, nếu món tiết kiệm càng cao thì giải ngân vốn càng cao và ngược lại.

- Tác động tích cực khiến vốn ưu đãi quay vòng nhanh, nâng cao chất lượng vốn TD ưu đãi.

Gắn bó sâu sắc hơn trách nhiệm của NH đối với công tác cho vay hộ nghèo, buộc NH phải thường xuyên được cải tổ hoạt động để năng động đáp ứng nhu cầu của người nghèo, hơn nữa, điều này sẽ tạo sự tin tưởng

của người nghèo đối với các NH, một yếu tố có tính quyết định đến chất lượng tín dụng.

Thứ ba: Về qui mô cấp tín dụng. Từ kinh nghiệm các nước cho thấy, qui mô cấp TD của NH nên căn cứ theo nhu cầu vốn của khách hàng để thu hút thêm đối tượng khách hàng. Thực tế ở nước ta thì nhu cầu vốn cũng không cao, nhất là trong các vùng nông thôn, vùng II, vùng III, cho nên căn cứ theo nhu cầu hợp lý của khách hàng để cấp TD là hợp lý hơn cả.

Thứ tư: Về cơ sở hạ tầng tài chính. Hiện nay, hạ tầng cơ sở tài chính của hệ thống NH nước ta nhìn chung vẫn còn khá bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu hoạt động cho vay đối với đối tượng khách hàng là những hộ nghèo, bởi các đối tượng khách hàng này phân bố rải rác trên một phạm vi rộng khắp các vùng nông thôn, nhất là có mật độ đậm đặc ở các vùng sâu, vùng xa. Thực tế này khiến chi phí cho vay hộ nghèo gia tăng. Để giảm thiểu chi phí yêu cầu phải nâng cấp hạ tầng tài chính, đồng thời phải nâng cao trình độ dân trí của cư dân nói chung, trong đó tập trung nâng cao trình độ dân trí đối với các hộ nghèo để họ tiếp cận được các dịch vụ ngân hàng mới, ngân hàng bán tự động hoặc tự động hóa hoàn toàn. Đây chính là cơ sở quan trọng nhằm tiết giảm chi phí tín dụng./.

Tài liệu tham khảo

1. Aidan, Holis & Arthur Sweetman. *Tài chính vi mô: Bài học từ quá khứ. Tín dụng vi mô ở các nước* (Phòng Hợp tác quốc tế Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam).
2. *Tín dụng vi mô trong khu vực ESSCWA* (2002). Hội thảo quốc tế, Montrey, Mexico.
3. Jonathan Morduch (2005). *Vai trò của tín dụng cấp bù trong tín dụng vi mô: thực trạng được rút ra từ Grameenbank* (Đại học Princeton).
4. Manfred Nitsch (2005): *Con đường phát triển thành các tổ chức tín dụng vi mô thương mại thay đổi công cụ phát triển. Tín dụng vi mô ở các nước* (Phòng Hợp tác quốc tế Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam).
5. J. Ledgerwood (2001). “*Cẩm nang hoạt động tài chính vi mô*”, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
6. *Cẩm nang chính sách và nghiệp vụ tín dụng đối với hộ nghèo* (2004), Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
7. Nguyễn Hải Hữu (2006). *Hướng tới giảm nghèo toàn diện, bền vững, công bằng và hội nhập hơn*. Hội thảo “Những giải pháp tăng cường nguồn lực thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo” Hà Nội.
8. www.vbsp.org.vn